

BÁO CÁO

**Kết quả giám sát tình hình thực hiện Kết luận chất vấn
tại kỳ họp thứ 14 HĐND Thành phố về vấn đề nước sạch nông thôn**

Thực hiện Chương trình công tác năm 2016, Ban Văn hóa - Xã hội HĐND Thành phố đã tổ chức giám sát việc thực hiện Kết luận chất vấn tại kỳ họp thứ 14 HĐND Thành phố về vấn đề nước sạch nông thôn tại Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, các huyện: Quốc Oai, Mỹ Đức, Chương Mỹ và giám sát qua báo cáo của các Sở: Y tế, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư. Cùng tham gia buổi làm việc còn có đại diện lãnh đạo các Sở: Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Ban Văn hóa - Xã hội tổng hợp kết quả làm việc như sau:

I. Thực trạng vấn đề nước sạch nông thôn trên địa bàn Thành phố

Theo báo cáo của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, tính đến hết năm 2015 tổng số người được sử dụng nước hợp vệ sinh từ các loại hình cấp nước là 99%. Số người dân nông thôn được sử dụng nước sạch theo QCVN 02:2009/BYT chiếm tỷ lệ 35,5%. Trong đó:

- + Số người được sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước đô thị chiếm 6,5%.
- + Số người được sử dụng nước sạch từ các công trình cấp nước tập trung nông thôn chiếm 7,7%.
- + Số người được sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước nhỏ lẻ hộ gia đình (người dân tự lọc bằng các thiết bị lọc nước hộ gia đình) chiếm tỷ lệ 21,3%.
- Tỷ lệ người dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh là 98,04%; nước đạt QCVN 02:2009/BYT là 35,55%.

II. Kết quả thực hiện các kết luận của Chủ tọa tại phiên chất vấn và trả lời chất vấn về nước sạch nông thôn kỳ họp 14 HĐND Thành phố

1. Việc thực hiện công khai các cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư, cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi để các thành phần kinh tế tham gia đầu tư

Các chính sách hỗ trợ đầu tư công trình cấp nước sạch nông thôn theo Nghị quyết số 25/2013/NQ-HĐND ngày 04/12/2013 của HĐND Thành phố và Quyết định số 32/2014/QĐ-UBND ngày 04/8/2014 của UBND Thành phố đã được công bố công khai trên cổng thông tin điện tử và các phương tiện thông tin đại chúng của Thành phố, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân và các nhà đầu tư thực hiện các

hoạt động đầu tư, chuyển giao công nghệ, quản lý khai thác, sản xuất kinh doanh về nước sạch nông thôn. Đến nay, đã có 10 dự án sử dụng vốn ngoài ngân sách đầu tư vào lĩnh vực nước sạch nông thôn hoàn thành thủ tục đầu tư, trong đó có 04 dự án đầu tư mới với tổng vốn đã đăng ký là 302,177 tỷ đồng¹.

2. Việc xây dựng kế hoạch; tiến độ thực hiện các dự án cấp nước sạch nông thôn; tiến độ triển khai xây dựng các công trình cấp nước sạch tập trung liên xã từ nguồn vốn vay ngân hàng thế giới để đưa vào sử dụng theo kế hoạch đề ra

Đối với 06 dự án thí điểm cấp nước sạch liên xã đã được chuyển đổi hình thức đầu tư, đến nay các dự án này đã được lập và công bố danh mục để kêu gọi xã hội hóa theo quy định.

Đối với 07 dự án cấp nước sạch bằng nguồn vốn WB, có 03 dự án được khởi công xây dựng từ năm 2014, đến nay đã có 01 dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng cung cấp nước ổn định cho hơn 2.000 hộ gia đình², 02 dự án đã hoàn thành, dự kiến cuối tháng 5/2016 sẽ đưa vào sử dụng để cung cấp nước ổn định cho khoảng 6.000 hộ gia đình³; 03 dự án đang triển khai⁴ ước thực hiện được khoảng 40% - 50% khối lượng công việc, dự kiến cuối năm 2016, đầu năm 2017 sẽ đầu nối nước cho nhân dân sử dụng; đối với dự án cấp nước sạch liên xã Thanh Lâm, Đại Thịnh, Tam Đồng (Mê Linh) đang thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư, dự kiến đến quý II/2016 sẽ trình UBND Thành phố phê duyệt quyết định đầu tư.

Đến nay, các dự án này đã được bố trí 329,997 tỷ đồng, trong đó kế hoạch vốn năm 2016 bố trí 123,212 tỷ đồng (vốn vay WB: 120,712 tỷ đồng; vốn trong nước 2,5 tỷ đồng). Việc bố trí vốn vay WB và vốn đối ứng trong nước năm 2016 cho các dự án trên phù hợp với tiến độ thực hiện và khả năng triển khai của chủ đầu tư.

3. Việc rà soát các trạm cấp nước do ngân sách đầu tư chưa hoạt động và thực hiện chuyển giao cho các doanh nghiệp tiếp nhận đầu tư, khai thác; dự án hỗ trợ xây dựng 30.000 thiết bị xử lý nước hộ gia đình.

Theo báo cáo của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, trong những năm qua trên địa bàn Thành phố đã đầu tư xây dựng 110 công trình cấp nước tập trung nông thôn, trong đó, có 83 công trình hoạt động ổn định với công suất thiết kế từ 300- 2.000m³/ngày đêm, 04 công trình Thành phố cho phép thanh lý thu hồi tài sản hoặc dừng đầu tư, 23 công trình không hoạt động do xây dựng dở dang hoặc chuyển thành trạm cấp nước trung chuyển từ hệ thống nước sạch Thành phố. Trong tổng số 16 trạm cấp nước được UBND Thành phố chấp thuận bàn giao cho doanh

¹ Có ¼ dự án hoàn thành đưa vào sử dụng được hưởng chính sách hỗ trợ sau đầu tư.

² Dự án cấp nước sạch liên xã Cổ Đô, Phong Vân huyện Ba Vì

³ Dự án cấp nước sạch liên xã Hiệp Thuận, Liên Hiệp (huyện Phúc Thọ), dự án cấp nước sạch Hương Sơn (huyện Mỹ Đức)

⁴ Dự án cấp nước sạch liên xã Tam Hưng, Thanh Thùy (Thanh Oai); Liên Phương, Hồng Vân, Thư Phú, Hà Hồi, Văn Tảo (Thường Tín); Trung Hòa, Trường Yên (Chương Mỹ)

nghiệp tiếp nhận quản lý đầu tư, hiện có 02/16 trạm cấp nước đã có quyết định giao đất của UBND Thành phố⁵, 05/16 trạm đã được phê duyệt giá trị tài sản để giao cho doanh nghiệp⁶.

Đối với dự án hỗ trợ xây dựng 30.000 thiết bị xử lý nước hộ gia đình. Năm 2016, Thành phố đã cân đối bố trí 30 tỷ đồng để tiếp tục thực hiện dự án hỗ trợ, xây dựng 40.000 bể lọc xử lý nước hộ gia đình. Hiện nay, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đang lập dự án đầu tư trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, phối hợp với UBND huyện Mỹ Đức và Chương Mỹ tiến hành điều tra, khảo sát lập danh sách của 6.500 hộ gia đình được hưởng hỗ trợ, dự kiến đến hết quý III năm 2016 sẽ hoàn thành việc hỗ trợ cho các gia đình.

4. Việc mở rộng phạm vi cấp nước sạch tập trung cho khu vực nông thôn gắn với quản lý, vận hành, khai thác sau đầu tư. Thực hiện công khai đầy đủ các cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư đã có của Trung ương và Thành phố. Hiệu quả sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

Để nâng cao hiệu quả quản lý vận hành và phát triển bền vững công trình, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư. Thành phố đã giao Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn lập đề án quản lý vận hành sau đầu tư đối với các công trình cấp nước tập trung nông thôn có sử dụng ngân sách nhà nước đầu tư. Nội dung của đề án tập trung chủ yếu vào các vấn đề: thống nhất chủ đầu tư xây dựng và đơn vị quản lý vận hành vào một chủ thể; củng cố mô hình và quy chế quản lý, đặc biệt với các công trình cấp nước tập trung, điều chỉnh mạnh mẽ phương thức hoạt động từ phục vụ sang dịch vụ, lấy nhu cầu của khách hàng để đơn vị quản lý vận hành đầu tư thay đổi phong cách cung ứng dịch vụ; giá thành nước sạch phải được tính đúng, tính đủ các yếu tố chi phí hợp lý trong quá trình sản xuất, phân phối nước sạch, thuế và lợi nhuận đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các đơn vị cấp nước và khách hàng sử dụng nước. Dự kiến sẽ trình UBND Thành phố phê duyệt trong Quý II năm 2016.

Việc thực hiện công khai đầy đủ các cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư đã có của Trung ương và Thành phố: Hàng năm Sở Nông nghiệp và PTNT đã chỉ đạo Trung Tâm Nước SH&VSMT nông thôn, Ban quản lý dự án Chương trình nước sạch và vệ sinh nông thôn tổ chức các buổi truyền thông về nước sạch (mỗi năm tổ chức khoảng 100 lớp với số người tham dự khoảng 15.000 người) qua các buổi truyền thông đã củng cố thêm các kiến thức về nước sạch, phổ biến các chủ trương, chính sách của Trung ương, của Thành phố để người dân biết và thực hiện.

5. Việc thực hiện chế độ giám sát chất lượng nước theo quy định. Công tác giám sát chất lượng nước đối với nước do các hộ cá nhân tự khai thác, sử dụng vào mục đích sinh hoạt theo quy định tại QCVN02:2009/BYT về quy chuẩn quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt.

⁵ Trạm cấp nước Tam Hiệp (Phúc Thọ), trạm cấp nước Phùng Xá (Thạch Thất)

⁶ Trạm cấp nước Tam Hiệp (Phúc Thọ), trạm cấp nước Phùng Xá (Thạch Thất), trạm cấp nước Ninh Hiệp (Gia Lâm), TCN Cự Khê (Thanh Oai), TCN Thị trấn Đại Nghĩa (Mỹ Đức)

Hàng năm, Sở Nông nghiệp và PTNT đã chỉ đạo Trung tâm nước sinh hoạt tiến hành lấy và phân tích mẫu nước của các trạm cấp nước tập trung nông thôn 02 lần/năm (lần 1 vào tháng 3 và lần 2 vào tháng 9) và lấy từ 1.000 đến 2.500 mẫu nước của các hộ gia đình tại 16 huyện ngoại thành. Kết quả phân tích được so sánh với QCVN 02:2009/BYT của Bộ Y tế. Kết quả cho thấy, các chất gây ô nhiễm trong nước chủ yếu là Amoni, chỉ số pecmanganat, chỉ số pH, chỉ số về độ đục, chỉ số về Màu sắc (độ màu), sắt tổng số, a sen tổng số, vi sinh vật trong nước.

Sở Y tế cũng ban hành kế hoạch kiểm tra, giám sát nước sạch trên địa bàn Thành phố, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Sở Xây dựng tổ chức hội nghị triển khai các quy định của Nhà nước trong công tác giám sát chất lượng nước. Thường xuyên tổ chức các đoàn kiểm tra việc đảm bảo chất lượng nguồn nước tại các cơ sở trên địa bàn Thành phố. Trong năm 2015 và quý I/2016 đã xét nghiệm, kiểm tra chất lượng 810 mẫu (17 mẫu nước giếng khơi, 384 mẫu nước mưa và 445 mẫu nước giếng khoan) tại các hộ gia đình của 8 huyện⁷.

6. Đánh giá hiệu quả các công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng.

Nhìn chung, hiệu suất hoạt động trung bình của tất cả các trạm đạt khoảng 75% so với công suất thiết kế. Trong số 83 trạm cấp nước có 31 trạm có quy trình vận hành, chiếm tỷ lệ 37,3%; 41 trạm cấp nước có nhật ký vận hành, chiếm tỷ lệ 49,4%.

III. Hạn chế, tồn tại và nguyên nhân

1. Hạn chế, tồn tại:

- “*Quy hoạch cấp nước sạch nông thôn và vệ sinh môi trường nông thôn thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030*” theo Quyết định số 2691/QĐ-UBND ngày 18/4/2013 của UBND Thành phố đến nay một số nơi không còn phù hợp, nhất là ở các địa phương không có nguồn nước ngầm hoặc nguồn nước mặt bị ô nhiễm⁸.

- Mô hình quản lý không thống nhất, hiện nay đang tồn tại 4 mô hình quản lý (doanh nghiệp, UBND xã, hợp tác xã và cộng đồng), tuy nhiên việc giao cho cộng đồng, UBND xã, hợp tác xã quản lý chỉ phục vụ việc khai thác, không có duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa kịp thời. Chưa xây dựng được quy trình sản xuất, xử lý, vận hành nước đối với các trạm cấp nước đã đi vào hoạt động.

- Chất lượng nước chưa được quản lý theo đúng quy định. Việc kiểm định chất lượng nước chủ yếu do Trung tâm Y tế dự phòng Hà Nội thực hiện nhưng chưa thường xuyên, các Trung tâm Y tế huyện và Trạm y tế xã chưa thực hiện việc

⁷ Chương Mỹ, Đan Phượng, Mê Linh, Mỹ Đức, Phú Xuyên, Phúc Thọ, Thường Tín, Ứng Hòa.

⁸ Tại huyện Mỹ Đức có 3 công trình cấp nước: xã Lê Thanh (Xuy Xá, Hồng Sơn), xã Vạn Kim (Đại Hưng, Đốc Tín), xã Hùng Tiến được quy hoạch lấy từ nguồn nước mặt sông Đáy hiện đang bị ô nhiễm; trạm cấp nước thị trấn Đại Nghĩa đã xây dựng xong với tổng kinh phí 40 tỷ (ngân sách Thành phố 16 tỷ), tuy nhiên người dân không dùng nước vì được lấy từ nguồn nước mặt sông Đáy.

kiểm định chất lượng nước theo QCVN 02:2009/BYT đối với nguồn nước do các hộ dân tự khai thác theo hướng dẫn của Sở Y tế.

- Công tác vệ sinh tại các trạm cấp nước, nhất là vấn đề xử lý chất thải trong quá trình lọc nước chưa được quan tâm. Chất thải trong quá trình lọc nước có chứa rất nhiều các kim loại (sắt, asen...) độc hại với cơ thể con người chưa được xử lý, đang được các trạm cấp nước xả thẳng ra môi trường. Trong tổng số 83 trạm cấp nước đang hoạt động có tới 82 trạm cấp nước không có hệ thống xử lý chất thải.

- Chưa quản lý được giá bán nước sạch nông thôn. Các doanh nghiệp chưa xây dựng giá bán nước có tính đúng, tính đủ để trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, chủ yếu áp dụng theo Quyết định 38/2013/QĐ-UBND ngày 19/9/2013 của UBND thành phố Hà Nội về việc bán giá nước sinh hoạt trên địa bàn Thành phố áp dụng đối với hệ thống cấp nước tập trung hoàn chỉnh.

- Việc kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư vào các công trình cấp nước sạch còn dờ dằng gặp nhiều khó khăn do công trình đầu tư không đồng bộ (thiếu hạng mục, thiếu đường ống nhánh và đầu nối đến hộ dân...)⁹. Việc thực hiện các dự án cấp nước sạch sử dụng nguồn vốn vay WB triển khai chậm so với kế hoạch.

- Việc thực hiện định giá tài sản triển khai chậm, 10/17 trạm cấp nước chưa được định giá tài sản để giao cho doanh nghiệp. Hầu hết các doanh nghiệp chưa tiếp cận được với các chính sách ưu đãi của Thành phố¹⁰. Các thủ tục hành chính liên quan đến các dự án chuyển đổi mô hình đầu tư cho doanh nghiệp còn chậm, thủ tục còn bất cập, nhất là các thủ tục hành chính liên quan đến quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản trên đất.

- Tỷ lệ thất thoát nước hiện nay của các trạm cấp nước tập trung nông thôn khá cao, thấp nhất là 10% và cao nhất là 70%, tỷ lệ nước sạch thất thoát trung bình khoảng 30%. Các chỉ tiêu về nước sạch nông thôn đề ra chưa sát với khả năng thực hiện¹¹; chỉ tiêu nước hợp vệ sinh không còn phù hợp với thành phố Hà Nội (*vẫn còn 1,96% dân nông thôn sử dụng nước không hợp vệ sinh nhưng chưa có địa chỉ cụ thể*).

2. Nguyên nhân:

- 10/17 trạm cấp nước chưa được định giá tài sản để giao doanh nghiệp, nguyên nhân chính của việc chậm giao mặt bằng và tài sản là do đa số các dự án xây dựng các trạm cấp nước trên đã xây dựng từ lâu, không có quyết định giao đất, hồ sơ thiết kế, hồ sơ hoàn công thất lạc dẫn tới công tác quyết toán và định giá tài sản đã đầu tư của các trạm cấp nước còn chậm, việc hoàn thành các thủ tục pháp lý như giấy chứng nhận đầu tư, giấy phép khai thác tài nguyên nước, giấy chứng nhận

⁹ Trạm cấp nước Phú Nam An, Tiến Tiên, Hoàng Diệu (huyện Chương Mỹ);

¹⁰ Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Ngọc Hải đầu tư từ năm 2008 đến nay chưa được hưởng chính sách ưu đãi của Thành phố

¹¹ Huyện Mỹ Đức chỉ tiêu nước sạch nông thôn đến nay mới đạt 4,5%

quyền sở hữu đất...của các doanh nghiệp còn nhiều khó khăn vướng mắc cần thời gian giải quyết.

- Đến nay, hầu hết các dự án cung cấp nước sạch mới tạm bàn giao cho doanh nghiệp, các doanh nghiệp chưa được giao quyền sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận đầu tư nên chưa đủ điều kiện hưởng chính sách ưu đãi theo quy định. Mặt khác, các công trình đã đầu tư thiếu đồng bộ hoặc đầu tư quá lâu nhưng không đưa vào sử dụng nên xuống cấp và hư hỏng, đặc biệt là hệ thống đường ống; các công trình được đầu tư bằng nhiều nguồn vốn, nhiều thời kỳ, nhiều chủ đầu tư nên trong quá trình chuyển giao gặp rất nhiều khó khăn. Hiệu quả khai thác sau đầu tư thấp dẫn đến các doanh nghiệp không mặn mà.

- Các trạm cấp nước đã được xây dựng từ lâu (thiết kế trạm đầu mối của các trạm cấp nước có thể nói là lạc hậu, diện tích đất trạm đầu mối nhỏ và nằm xen kẹt ở khu đông dân cư...), vấn đề xử lý chất thải tại thời điểm đó chưa được quan tâm dẫn đến thiết kế của trạm không có hệ thống xử lý chất thải.

- Thời gian xét nghiệm nước kéo dài (10 ngày), nếu nước có nguy cơ ô nhiễm thì doanh nghiệp vẫn phải cung cấp nước cho người dân sử dụng. Kinh phí cho một lần xét nghiệm nước khá cao, dẫn đến đa số người dân không muốn làm xét nghiệm mẫu nước do hộ gia đình tự khai thác. Chưa bố trí kinh phí để thực hiện việc xét nghiệm nguồn nước sạch nông thôn cấp huyện.

- Kế hoạch cấp vốn để thực hiện 07 dự án trạm cấp nước liên xã sử dụng vốn vay Ngân hàng Thế giới hàng năm thường chậm, mức vốn được cấp thấp không đủ nhu cầu theo tiến độ xây dựng do chịu sự ràng buộc của hiệp định tín dụng, dẫn đến tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản trong quá trình đầu tư.

IV. Kiến nghị, đề xuất:

1. Đối với UBND Thành phố

- Đề nghị xem xét lại chỉ tiêu nước sạch để phù hợp với thực tế của từng địa phương. Chỉ đạo rà soát lại 110 trạm cấp nước kể cả các trạm nhỏ cấp thôn hoạt động không hiệu quả để có các giải pháp phù hợp. Rà soát lại quy hoạch cấp nước sạch để điều chỉnh cho phù hợp với thực tế, gắn với hệ thống cung cấp nước sạch đô thị.

- Hiện nay, việc khai thác nguồn nước thô để sản xuất nước sạch ở các trạm cấp nước của huyện Mỹ Đức là rất khó khăn (nguồn nước ngầm không được khai thác, nguồn nước mặt bị ô nhiễm). Đề nghị xem xét cho đầu nối nguồn nước sông Đà đoạn tiếp giáp với xã Vạn Thái (huyện Ứng Hòa) để cung cấp nước sạch cho nhân dân sử dụng.

- Tiếp tục cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư nhằm thu hút các nhà đầu tư quan tâm đến lĩnh vực nước sạch nông thôn. Công khai các thủ tục hành chính liên quan đến việc định giá tài sản, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xác định tài sản có trên đất, cấp phép khai thác và cấp giấy chứng nhận đầu tư.

2. Đối với các Sở: Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Y tế:

- Tham mưu cho UBND Thành phố xây dựng mô hình và có cơ chế chính sách sau đầu tư. Đẩy nhanh tiến độ các dự án từ nguồn vốn WB; có giải pháp đảm bảo môi trường các dòng sông, môi trường tại các hồ nước ngọt, có giải pháp để trữ nước ngọt.

- Đẩy nhanh tiến độ các dự án xây dựng các trạm cấp nước sạch nông thôn đã được UBND Thành phố chấp thuận cho phép chuyển đổi hình thức đầu tư, sớm đưa vào hoạt động, đảm bảo tính khả thi; đồng thời bố trí kinh phí hỗ trợ các dự án đầu tư nước sạch nông thôn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2016- 2020.

- Chủ trương đầu tư trạm cấp nước sạch tập trung cần thống nhất, nhất quán gắn công tác đầu tư với mô hình quản lý, vận hành, khai thác sau đầu tư theo hướng các đơn vị đầu tư, cung ứng dịch vụ chuyên nghiệp. Liên ngành tiếp tục rà soát các trạm cấp nước do ngân sách đầu tư dở dang chưa hoạt động trên địa bàn Thành phố để tham mưu chuyển giao nhanh cho các doanh nghiệp tiếp nhận đầu tư, khai thác để sớm đi vào hoạt động, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn ngân sách đã đầu tư.

- Tiếp tục bố trí kinh phí để hoàn thành kế hoạch hỗ trợ 40.000 bệ lọc cho các hộ nghèo, gia đình chính sách và 07 dự án cấp nước sạch liên xã do Ngân hàng thế giới tài trợ. Đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các dự án đã được bố trí kế hoạch vốn trong năm 2016¹². Đồng thời khẩn trương hoàn chỉnh phương án lựa chọn, bàn giao đơn vị quản lý, khai thác, sử dụng các công trình này, báo cáo UBND Thành phố xem xét, chấp thuận.

- Tăng cường công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của nhân dân về nước sạch nông thôn để người dân tự kiểm tra và tạo thói quen sử dụng nước sạch trong sinh hoạt, ăn uống. Đồng thời hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật và vận động người dân ở những vùng chưa có hệ thống cấp nước sạch tập trung, nguồn nước ô nhiễm cùng tham gia đầu tư thiết bị theo tiêu chuẩn để xử lý nước tại gia đình đảm bảo yêu cầu.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra quy trình sản xuất nước, kiểm định nguồn nước, chất lượng nước. Cấp kinh phí cho các Trung tâm Y tế huyện thực hiện nhiệm vụ kiểm định chất lượng nước theo phân cấp của Sở Y tế. Có cơ chế hỗ trợ cho các hộ gia đình tự kiểm định chất lượng nước.

3. Đối với các quận, huyện, thị xã

- Phối hợp với các sở, ngành Thành phố rà soát lại danh mục quy hoạch cấp nước sạch báo cáo với UBND Thành phố để sửa đổi, bổ sung quy hoạch cho phù hợp với thực tế.

- Đối với các trạm cấp nước dở dang được chuyển đổi cơ chế đầu tư, nên có giải pháp kêu gọi đầu tư.

¹² Hỗ trợ 40.000 bệ lọc cho các hộ nghèo, gia đình chính sách; 07 dự án cấp nước liên xã do ngân hàng thế giới tài trợ.

- Phối hợp với Sở Y tế, Trung tâm nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường Hà Nội thường xuyên thực hiện việc kiểm định chất lượng nước sinh hoạt theo quy định. Tăng cường công tác quản lý chất lượng nước đối với nguồn nước do các hộ dân tự khai thác.

4. Đối với doanh nghiệp:

- Thường xuyên thực hiện việc kiểm định chất lượng nước theo quy định. Công khai quy trình sản xuất nước, xây dựng quy trình xử lý nước thải, đánh giá tác động của môi trường. Xây dựng phương án giá nước có tính đúng, tính đủ trình Sở Tài chính phê duyệt theo quy định.

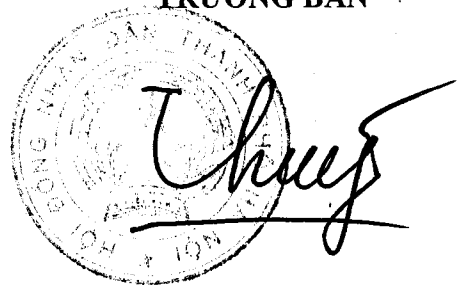
Trên đây là báo cáo kết quả giám sát tình hình thực hiện Kết luận chất vấn của Chủ tọa tại phiên chất vấn và trả lời chất vấn về nước sạch nông thôn tại kỳ họp thứ 14 HĐND Thành phố, Ban Văn hóa - Xã hội xin báo cáo Thường trực Thành ủy, HĐND Thành phố, Thường trực HĐND Thành phố và đề nghị các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện các kiến nghị nêu trên./.

Nơi nhận:

- Thường trực Thành ủy;
- TT HĐND TP;
- HĐND Thành phố;
- UBND TP;
- Thành viên Ban VHXH;
- Các sở: Nông nghiệp & PTNT, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Y tế;
- UBND các huyện;
- VP Đoàn ĐBQH& HĐND, UBND TP;
- Công ty Cổ phần sản xuất và Thương mại Ngọc Hải; Công ty Cổ phần và Đầu tư phát triển Công nghệ cao Minh Quân;
- Lưu: VT, Ban VHXH./.

đề
b/c

**TM. BAN VĂN HÓA- XÃ HỘI
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Thị Thùy